TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2024/DS-PT

Ngày 12 - 12 - 2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr.

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dần, ông Nguyễn Ngọc Sâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2024/DS - PT ngày 15/10/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 33/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 287/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tô Thị Mỹ H; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Thu H1; địa chỉ: 383/63/27 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Đình H2; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt);

Địa chỉ 2: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Đinh Xuân T1, thuộc Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B A L, Phường T, thành phố B, Đắk Lắk (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Công ty TNHH H6.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang T2 – Chức vụ: Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H3; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Đinh Thị M; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Hồ Thị Mỹ H4; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Ông Nguyễn Triệu V; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Địa chỉ 2: Số nhà A T, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Ông Hồ Xuân L, bà Đỗ Thị Minh T3; địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3: Bà Lưu Thị Thu H1; địa chỉ: 383/63/27 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH H6 và bà Đỗ Thị Minh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H trình bày*:**

Bà thừa nhận giữa bà T với Công ty TNHH H6 (sau đây gọi tắt là Công ty H6) có mua bán cà phê với nhau. Đến ngày 30/4/2021, Công ty H6 còn nợ bà T tổng số tiền 1.791.478.000đ nhưng việc mua bán đó không liên quan gì đến bà.

Trong khoảng thời gian từ ngày 05 đến ngày 20/02/2024, bà có mua cà phê của bà T với số lượng và đơn giá như sau: Lần 1: 38 tấn, giá 79.500đ/kg; Lần 2: 09 tấn, giá 78.500đ/kg (Đều thực hiện bằng tin nhắn + gọi điện).

Ngày 06/02/2024, bà T ký nhận 200.000.000 đồng; ngày 07/02/2024 bà chuyển khoản 10.000.000 đồng; ngày 19/02/2024 bà T ký nhận 240.000.000 đồng và bà chuyển khoản 600.000.000 đồng. Cùng Ngày 19/02/2024 bà T đã giao cho bà: 6.382kg, giá 79.500đ/kg. Ngày 20/02/2024 bà đưa tiếp cho bà T 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà đưa cho bà T 1.150.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền 507.369.000 đồng (6.382kg cà phê) bà mua, số tiền còn lại 642.631.000 đồng (Tương đương 8.134kg cà phê nhân xô) nhưng bà T chưa giao cà phê. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Đình H2 phải trả cho bà 8.134kg cà phê nhân xô.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Đình H2 trình bày:***

Ông Nguyễn Đình H2 và bà Nguyễn Thị Thùy T là vợ chồng thống nhất khai như sau: Bà T và Công ty H6 có mua bán hàng hóa nông sản với nhau. Bà T là người bán, còn Công ty H6 là người mua. Chốt đến ngày 30/4/2021, Công ty H6 còn nợ bà T tổng số tiền là 1.791.478.000 đồng. Sau đó, Công ty H6 đã thanh toán được số tiền 1.533.338.000 đồng, còn nợ lại số tiền 258.140.000 đồng và đã quá hạn trả nợ nhưng không chịu thanh toán, nên bà T đã khởi kiện bằng vụ án khác.

Công ty H6 cho rằng đã chuyển khoản thanh toán cho bà T số tiền 1.500.000.000 đồng thông qua số tài khoản của ông H2 + số tiền 291.478.000 đồng (Mà bà thừa nhận là Công ty H6 đã thanh toán). Còn bà Tô Thị Mỹ H, bà Đỗ Thị Minh T3 chuyển thanh toán cho bà T số tiền 1.241.860.000 đồng (Bà H và bà T3 chuyển 1.200.000.000 đồng + số dư sau khi thực hiện giao dịch ngày 09/02/2023 là 41.860.000 đồng) thì số tiền này không liên quan gì đến Công ty H6. Vì do bà T3 chuyển nhầm cho bà T ở Thanh Hoá, còn bà H chuyển cho giao dịch khác là không đúng, vì khoản tiền 1.500.000.000 đồng mà Công ty H6 chuyển cho bà T là để thanh toán cho chứng từ giao dịch vào ngày 09/02/2023 chứ không phải thanh toán cho số nợ cũ. Còn số tiền 1.241.860.000 đồng trong đó 41.860.000 đồng là tiền dư sau khi cân cà (Thực hiện giao dịch ngày 09/02/2023). Số tiền còn lại 1.200.000.000 đồng là bà H (Vợ ông T2), bà T3 là người làm công cho Công ty H6 thay mặt Công ty H6 thanh toán cho bà T. Việc làm này diễn ra nhiều lần, thường xuyên và liên tục nên lần này không có việc chuyển nhầm và cũng không có việc thực hiện mua bán cà

phê như bà H trình bày, nên bà T và ông H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Quan Công ty trách nhiệm hữu hạn H6 do ông Trần Quang T2 làm người đại diện theo pháp luật trình bày:**

Giữa bà T với Công ty H6 có mua bán hàng hóa nông sản với nhau như nội dung bà T trình bày. Công ty H6 xác nhận đến ngày 30/4/2021, còn nợ bà T tổng số tiền 1.791.478.000 đồng. Ngày 09/02/2023, Công ty H6 trả cho bà T thông qua số tài khoản của ông Nguyễn Đình H2 (chồng bà T) 1.500.000.000 đồng và trong các ngày từ ngày 05/5/2021 cho đến ngày 06/02/2024 Công ty H6 đã trả số tiền 291.478.000 đồng (bà T thừa nhận là đã nhận đủ). Đến nay, Công ty H6 đã trả đủ tiền cho bà T và không còn nợ bà T khoản tiền nào khác.

Bà T cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà Công ty H6 chuyển trả là khoản trả cho chứng từ giao dịch khác, thì Công ty H6 không đồng ý. Đối với khoản tiền 1.241.860.000 đồng mà bà Tô Thị Mỹ H và bà Đỗ Thị Minh T3 chuyển cho bà T, thì số tiền này không liên quan gì đến Công ty H6. Vì bà H và bà T3 là người làm công ăn lương nên không có nghĩa vụ trả tiền cho bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T3 trình bày***:

Bà là người phụ việc cho Công ty H6, nhiệm vụ chính là cân hàng mỗi khi khách đưa đến. Không nhận và trả tiền thay cho Công ty. Việc mua bán nông sản giữa bà T với Công ty H6 như thế nào thì bà không biết.

Ngày 20/02/2024, bà chuyển nhầm cho bà T số tiền 600.000.000 đồng, vì số tiền này là bà chuyển cho bà Nguyễn Thị Thu T4 ở Thanh Hóa để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án yêu cầu bà cung cấp tên tuổi, địa chỉ (Lý lịch) và chứng cứ giao dịch chuyển nhượng thì bà không cung cấp được, vì đó là người quen.

Việc bà H kiện bà T4 cũng không liên quan gì đến bà, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Triệu V Trình bày:*** Ông V đồng ý với ý kiến bà T4.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân L trình bày:*** Ông chỉ là người làm công ăn lương cho Công ty H6, không liên quan đến việc mua bán giữa bà H và bà T4, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Mỹ H4 trình bày:*** Bà không có lần nào bà thay mặt Công ty H6 đến nhà bà T4 để bốc hàng, mà bà chỉ đến nhà bà T4 để bốc hàng cho bà H.

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 430, 433, 436 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Mỹ H về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thùy T trả 8.134kg cà phê nhân xô (Tương đương với số tiền 642.631.000đ).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2024, nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Ngày 11/7/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T3 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ hành vi cố tính chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng do bà T3 chuyển nhầm qua tài khoản của bà Nguyễn Thị Thùy T để xử lý về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Cùng ngày 11/7/2024, người có quyền và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H6 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và giữ

nguyên nội dung đơn kháng cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Minh T3 và Công ty TNHH H6 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H6. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H6 và bà Đỗ Thị Minh T3 làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét thấy vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 300/2024/DS - PT ngày 15/10/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 279/2024/DS - PT ngày 15/10/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là hai vụ án có cùng đương sự và quan hệ tranh chấp, có mối quan hệ mật thiết với nhau, lẽ ra cấp sơ thẩm nên nhập 02 vụ án nêu trên để giải quyết trong cùng 01 vụ án nhằm giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã giải quyết thành 02 vụ án riêng biệt, do đó cấp phúc thẩm tiếp tiếp xét xử 02 vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H với nội dung đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thùy T phải trả cho bà 8.134kg cà phê nhân xô (Tương đương với số tiền 642.631.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, tất cả các đương sự đều thừa nhận giữa Công ty H6 và bà Nguyễn Thị Thùy T có mua bán nông sản với nhau (bà T là bên bán và Công ty H6 là bên mua). Ngày 30/4/2021 các bên có tiến hành chốt nợ với nhau và các bên đều xác định: Tính đến thời điểm ngày 30/4/2021, Công ty H6 còn nợ cô chú Sáu Hướng (tức vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T4 và ông Nguyễn Đình H2) tổng số tiền hàng là 1.791.478.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi mốt triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Bên cạnh đó, các bên cũng thừa nhận sau khi chốt công nợ, mặc dù phía Công ty H6 chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nhưng thời gian sau đó các bên vẫn tiếp tục thực hiện nhiều giao dịch khác với nhau.

Tại Vi bằng số 60/2024/VB-TPLĐA ngày 29/6/2024 do bà H cung cấp cho Tòa án có nội dung nhắn tin và gọi điện giữa bà H và bà T4 để giao dịch hàng hóa và chuyển khoản tiền mua bán hàng hóa. Bên cạnh đó, bà Tô Thị Mỹ H là nhân viên của Công ty H6, đồng thời là vợ của ông Trần Quang T2 (Giám đốc Công ty H6) nên giữa bà H và ông T2 sẽ có trách nhiệm với nhau trong các quan hệ giao dịch dân sự cũng như về nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà H cho rằng bà giao dịch mua bán cà phê với bà T4 không liên quan đến Công ty H6 là không có căn cứ và không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Bà H cho rằng: Ngày 06/02/2024, bà T4 ký nhận 200.000.000 đồng, ngày 07/02/2024 bà chuyển khoản 10.000.000 đồng, Ngày 19/02/2024 bà T4 ký nhận 240.000.000 đồng và bà chuyển khoản 600.000.000 đồng. Cùng ngày 19/02/2024 bà T4 đã giao cho bà H: 6.382kg, giá 79.500đ/kg, ngày 20/02/2024 bà H đưa tiếp cho bà T4 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà H đưa cho bà T4 1.150.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền 507.369.000 đồng (6.382kg cà phê) bà mua, số tiền còn lại 642.631.000 đồng (Tương đương 8.134kg cà phê nhân xô) nhưng bà T4 chưa giao cà phê. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Đình H2 phải trả cho bà 8.134kg cà phê nhân xô. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được hóa đơn, chứng từ mua bán giữa hai bên, không chứng minh được việc giao nhận tiền cũng như việc giao nhận hàng hóa giữa bà T, ông H2 cho bà H. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Tô Thị Mỹ H là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H6 là không có căn cứ, bởi lẽ: Công ty H6 cho rằng phía Công ty đã chuyển khoản cho ông H2 (chồng bà T) 1.500.000.000 đồng để trả cho khoản nợ đã chốt ngày 30/4/2021 giữa Công ty và bà T. Tuy nhiên, phía Công ty và ông T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khoản tiền nêu trên mà Công ty G với ông H2 nhằm trả nợ cho khoản tiền chốt nợ ngày 30/4/2021 (nội dung chuyển tiền không thể hiện mục đích chuyển tiền để trả khoản nợ nào, …). Trong khi đó, tại nội dung tin nhắn giữa bà Tô Thị Mỹ H và bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 19/02/2024 do bà H cung cấp cho Tòa án tại Vi bằng số 60/2024/VB-TPLĐA có thể hiện: "***Hạnh ơi sáng nay em nói anh thành chuyển tiền cho cho anh hướng đáo hạn ngân hàng 1ty4trăm nghe em rồi vô bốc từ từ chuyển cho chị cũng được nghe em***". Đồng thời, bà T cũng cung cấp cho Tòa án hình ảnh cân hàng và mã cân hàng vào ngày 20/02/2024 (với số lượng hàng là 49.382,4 kg cà phê nhân xô). Do đó, lời trình bày của bà T cho rằng khoản tiền 1.500.000.000 đồng mà ông T2 chuyển khoản cho ông H2 để thực hiện giao dịch khác, cụ thể là giao dịch mua 49.382,4 kg cà phê nhân xô là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định khoản tiền 1.500.000.000 đồng ông T2 chuyển khoản cho ông Nguyễn Đình H2 không phải để trả cho khoản nợ đã chốt giữa các bên vào ngày 30/4/2021 như phía Công ty H6 trình bày.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Minh T3 đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ hành vi cố tính chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng do bà T3 chuyển nhầm qua tài khoản của bà Nguyễn Thị Thùy T để xử lý về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Thùy T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, phía bà Tô Thị Mỹ H và bà Đỗ Thị Minh T3 đã nộp đơn tố cáo hành vi của bà T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B, Tòa án đã có Công văn 1415/2024/CV-TA ngày 06/11/2024 đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lời cho Tòa án được biết kết quả giải quyết đơn tố giác của bà H và bà T3. Đến ngày 02/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B có Thông báo về việc giải quyết đơn số 2176/ĐTTH, thông báo đơn tố giác của bà T3 đối với bà T là tranh chấp dân sự trong việc mua bán tài sản nên đã hướng dẫn cho bà T3 khởi kiện vụ việc tại Toà án.

Bên cạnh đó, bà T3 cho rằng bà chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Thùy T là chuyển khoản nhầm, thực chất bà thực hiện giao dịch với bà Nguyễn Thị Thu T4 ở Thanh Hóa để mua bán đất. Tuy nhiên, trong nội dung tin nhắn chuyển tiền của bà

T3 không thể hiện việc bà T3 chuyển tiền để mua đất. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà T3 có cung cấp một bản phô tô "*Giấy thỏa thuận*" về việc nhờ 01 người tên "Nguyễn Thị Thu T4" mua hộ đất tại Thanh Hóa. Tuy nhiên, đây chỉ là bản phô tô, không có công chứng chứng thực theo quy định và cũng không cung cấp địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu T4 ở Thanh Hoá. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án bà T3 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc vào ngày 20/02/2024 bà T3 có thực hiện giao dịch mua đất ở Thanh Hóa như bà T3 trình bày. Trong khí đó, bà T3 là con dâu với ông T2 và bà H, đồng thời là nhân viên của Công ty H6, thường xuyên thực hiện các giao dịch mua bán cà phê thay công ty H6. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận: Từ trước đến nay bà T3 chỉ thực hiện giao dịch chuyển tiền cho bà T4 một lần duy nhất vào ngày 20/2/2024 (số tài khoản của bà Nguyễn Thị Thuỳ T4 do phía công ty H6 cung cấp cho bà T3). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày: Bà H có gửi đơn tố cáo hành vi của bà T4 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ thì Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ đã hướng dẫn cho bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nên bà đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của bà T3 cho rằng có chuyển khoản nhầm 600.000.000 đồng cho bà T4 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H6 và bà Đỗ Thị Minh T3, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H6 và bà Đỗ Thị Minh T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ H;

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H6;

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T3;

- Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tô Thị Mỹ H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy T trả 8.134kg cà phê nhân xô (Tương đương với số tiền 642.631.000 đồng).

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị Mỹ H phải chịu 29.705.240 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn, hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 14.852.000 đồng (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Tô Thị Mỹ H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001982 ngày 04/4/2024. Bà Tô Thị Mỹ H còn phải tiếp tục nộp số tiền 14.853.240 đồng (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi đồng).

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Tô Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số thu 0002189 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Đỗ Thị Minh T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002210 ngày 16/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Công ty TNHH H6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002211 ngày 16/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, bà Tô Thị Mỹ H5, bà Đỗ Thị Minh T3 và Công ty TNHH H6 đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Ea H'Leo;*
- *Chi cục THADS H. E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Y Phi Kbuôr